

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
NĂM HỌC 2024 - 2025
Bài: Đọc hiểu

Phần 1. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 1 đến câu hỏi 8

Câu 1. Tên gọi khác của điện thoại di động là gì?

- A. điện thoại cầm tay
- B. thiết bị viễn thông
- C. thiết bị không thể thiếu
- D. thiết bị liên lạc

Câu 2. Chiếc điện thoại được coi là “di động” đầu tiên nặng bao nhiêu?

- A. 4 kg
- B. 5 kg
- C. 4,5 kg
- D. 1 kg

Câu 3. Từ “cồng kềnh” trái nghĩa với từ nào sau đây:

- A. đơn giản
- B. phức tạp
- C. nặng nề
- D. nhỏ gọn

Câu 4. Cụm từ “**Chiếc máy thô sơ có thể truyền được giọng nói này**” có nghĩa là:

- A. Cha đẻ của chiếc điện thoại đầu tiên
- B. điện tín
- C. chiếc điện thoại đầu tiên
- D. kỉ nguyên mới

Câu 5. Điện thoại di động chính thức ra đời vào thời gian nào?

- A. ngày 10 tháng 3 năm 1876
- B. năm 1967
- C. ngày 3 tháng 4 năm 1973
- D. ngày 4 tháng 3 năm 1973

Câu 6. **Martin Cooper** là tên của:

- A. chiếc điện thoại di động đầu tiên
- B. người phát minh ra chiếc điện thoại di động
- C. quê hương của chiếc điện thoại di động đầu tiên
- D. nơi sản xuất ra chiếc điện thoại di động đầu tiên

Câu 7. Thông tin nào SAI trong các thông tin sau:

- A. Điện thoại di động sử dụng được nhờ vào khả năng thu phát sóng
- B. Cha đẻ của chiếc điện thoại đầu tiên là Alexander Graham Bell.
- C. Motorola Dyna Tac mang hình dáng gần giống điện thoại di động ngày nay.
- D. Điện thoại di động ngày nay đơn thuần là nghe và gọi.

Câu 8. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Lịch sử ra đời của điện thoại di động
- B. Các chức năng của điện thoại di động
- C. Người phát minh ra điện thoại di động
- D. Vai trò của điện thoại di động trong cuộc sống

Phần 2. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 9 đến câu hỏi 15

Câu 9. Điều KHÔNG phải là lợi ích của việc đi xe buýt?

- A. tiết kiệm chi phí
- B. hạn chế căng thẳng
- C. giảm ô nhiễm môi trường
- D. đi nhanh hơn

Câu 10. Vì sao đi xe buýt giúp hạn chế căng thẳng?

- A. vì phải tự điều khiển xe
- B. vì không phải tự điều khiển xe
- C. vì tiết kiệm chi phí
- D. vì không tiết kiệm chi phí

Câu 11. Trong tổng lượng khí thải đô thị tại các thành phố lớn thì lượng khí thải của phương tiện nào chiếm tỷ lệ cao nhất?

- A. xe buýt
- B. xe máy
- C. xe buýt và xe máy

D. xe đạp

Câu 12. Từ “**tác động**” có thể thay bằng từ nào sau đây:

- A. tác dụng
- B. ảnh hưởng
- C. hoạt động
- D. hành động

Câu 13. Trái nghĩa với “**phương tiện cá nhân**” là gì?

- A. phương tiện cộng đồng
- B. phương tiện công cộng
- C. phương tiện giao thông
- D. phương tiện đi lại

Câu 14. Tìm thông tin SAI trong các thông tin sau:

- A. Đi xe buýt giúp giảm căng thẳng vì bạn phải tự điều khiển xe.
- B. Lượng xe máy ngày càng tăng.
- C. Đi xe buýt giúp chúng ta tránh những tác động xấu từ khói, bụi.
- D. Xe buýt phải di chuyển theo những tuyến đường cố định.

Câu 15. Nội dung chính của đoạn trên là gì?

- A. Thói quen đi xe buýt của người dân
- B. Phương tiện giao thông xanh
- C. Một số lợi ích của việc đi xe buýt
- D. Lợi ích và hạn chế của việc đi xe buýt

Phần 3. Đọc các thông báo, biển báo, hướng dẫn và chọn câu trả lời đúng từ câu 16-23

Câu 16:

 136	A. Các phương tiện giao thông bắt buộc phải đi thẳng B. Các phương tiện giao thông chỉ có thể đi thẳng C. Các phương tiện giao thông không được phép đi thẳng
--	---

	D. Các phương tiện giao thông không được rẽ
--	---

Câu 17:

	A. Người có nhiệm vụ không được vào B. Tất cả mọi người không được vào khu vực này C. Người không có nhiệm vụ không được vào D. Chỉ người có nhiệm vụ không được vào
---	--

Câu 18:

<i>Trông xe máy miễn phí</i>	A. Mọi người phải gửi xe ở đây B. Ở đây không trông xe ô tô C. Người gửi xe máy không phải mất tiền D. Chỉ được gửi xe máy
-------------------------------------	--

Câu 19:

 Làn đường dành cho ô tô	A. Chỉ ô tô được đi ở làn đường này. B. Làn đường dành cho tất cả các loại phương tiện trừ ô tô. C. Cấm ô tô đi ở làn đường này. D. Làn đường dành cho các phương tiện thô sơ.
---	--

Câu 20:

<i>Khuyến mại</i> <i>Giảm giá lên đến 50%</i>	A. Các sản phẩm đều được giảm giá 50%. B. Các sản phẩm được giảm giá 50% trở lên. C. Các sản phẩm được giảm giá một nửa. D. Các sản phẩm được giảm giá tới 50%.
---	---

Câu 21

<i>Phòng khám làm việc tất cả các ngày trong tuần (Trừ chủ nhật)</i>	A. Ngoài chủ nhật ra thì phòng khám không làm việc ngày nào trong tuần. B. Ngoài chủ nhật ra thì không ngày nào phòng khám không làm việc. C. Ngày nào phòng khám cũng làm việc.
---	---

	D. Ngoài các ngày trong tuần ra thì ngày nào phòng khám cũng làm việc.
--	--

Câu 22

	A. Mua hàng trực tiếp sẽ được giảm giá. B. Giao hàng tận nhà không phải trả tiền. C. Không được đổi trả hàng nếu không hài lòng. D. Nếu giao hàng tận nhà thì phải trả thêm tiền.
---	---

Câu 23

	A. Tất cả các thẻ nạp đều được cộng thêm 50% số tiền nạp. B. Chỉ khuyến mãi đối với thẻ 50.000. C. Tặng 50.000 cho tất cả các thẻ nạp. D. Tất cả các thẻ nạp đều được cộng thêm 50.000
--	--

Phần 4. Đọc và trả lời các câu hỏi từ 24 -30

Nước có vai trò đặc biệt quan trọng với cơ thể, con người có thể nhịn ăn được vài ngày, nhưng không thể nhịn uống nước. Nước chiếm khoảng 70% trọng lượng cơ thể, 65-75% trọng lượng cơ, 50% trọng lượng mỡ, 50% trọng lượng xương. Những người thường xuyên uống không đủ nước da thường khô, tóc dễ gãy, xuất hiện cảm giác mệt mỏi, đau đầu, có thể xuất hiện táo bón, hình thành sỏi ở thận và túi mật.

Tuy nhiên một số người lại lầm tưởng về tác dụng của việc uống nhiều nước, họ cho rằng uống càng nhiều nước thì sẽ tăng cường thải các chất độc hại ra khỏi cơ thể, và họ đã uống quá nhiều nước (4-5 lít/ngày). Thực ra khi uống nhiều nước sẽ gây quá tải cho thận và nhiều ảnh hưởng không tốt khác. Những người bị tăng huyết áp uống nhiều nước rất nguy hiểm.

Trong điều kiện bình thường, trong một ngày cơ thể cần khoảng 40ml nước/kg cân nặng, trung bình 2-2,5 lít nước/ngày. Nhu cầu về nước trong những ngày nóng

bức, những ngày mùa đông mà có độ ẩm thấp, trong khi lao động thể lực hay tập luyện thể dục thể thao, trong tình trạng bị sốt, phụ nữ đang cho con bú tăng đáng kể so với bình thường.

Trước khi lao động hay tập luyện thể dục thể thao cơ thể phải ở trạng thái cân bằng nước. Để đạt được điều này thì trong vòng 2 giờ trước khi vận động, uống 400-600ml nước và trong khi lao động phải tiến hành bổ sung nước sớm cho cơ thể mà không chờ có cảm giác khát. Sau mỗi 15-20 phút uống khoảng 150-200ml nước.

Nước rất cần cho cơ thể, mỗi người phải tập cho mình một thói quen uống nước để cơ thể không bị thiếu nước. Duy trì cho cơ thể luôn ở trạng thái cân bằng nước là yếu tố quan trọng bảo đảm sức khỏe của mỗi người.

Câu 24. Nước chiếm khoảng bao nhiêu % trọng lượng cơ thể?

.....

Câu 25. Những người thường xuyên không uống đủ nước sẽ bị thế nào?

.....

.....

Câu 26. Tại sao một số người lại uống quá nhiều nước?

.....

Câu 27. Nếu uống quá nhiều nước thì sẽ gây quá tải cho bộ phận nào của cơ thể?

.....

.....

Câu 28. Trong điều kiện bình thường, trong một ngày cơ thể cần khoảng bao nhiêu nước?

.....

.....

Câu 29. Để cơ thể đạt được trạng thái cân bằng nước, chúng ta cần làm gì?

.....

.....

Câu 30. Chủ đề của đoạn trên là gì?

.....